TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Lê Tiền Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thuyến, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông La Thế A, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ A, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2023, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Thân Thị T trình bày:

Bà Thân Thị T và ông La Thế A tự nguyện tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, cấp ngày 02/3/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với hạnh phúc được gần 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn rồi cãi vã lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên La Thân Thùy D, sinh ngày 22/10/2011. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà T không yêu cầu ông La Thế A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Căn cước công dân của bà Thân Thị T; Sổ hộ của của ông La Thế A; Giấy khai sinh con chung La Thân Thùy D; Giấy chứng nhận kết hôn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông La Thế A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do, đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Thân Thị T và bị đơn ông La Thế A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, cấp ngày 02/3/2009 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo bà Tươi trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được gần 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn rồi cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn trầm trọng không tự giải quyết được nên vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông A cũng như đã thực hiện đầy đủ thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông A, nhưng ông A không đến Tòa án làm việc, tham gia các buổi hòa giải, tham gia phiên tòa để Tòa án hòa giải vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông A không có thiện chí xây dựng gia đình hạnh phúc. Hơn nữa, từ khi ly thân, ông A không tìm cách hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông A không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Theo bản sao giấy khai sinh số 470/2011, quyển số 02/2011 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang thì bà T và ông A có 01 con chung tên La Thân Thùy D, sinh ngày 22/10/2011. Hiện nay con chung đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng của con ngày 30/5/2023 thì cháu D có nguyện vọng được sống chung với me. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu, cần giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông A. Giao con chung La Thân Thùy D, sinh ngày 22/10/2011 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu và đã nộp đủ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 180; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông La Thế A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thân Thị T được ly hôn với ông La Thế A.

- Về con chung: Giao con chung La Thân Thùy D, sinh ngày 22/10/2011 cho bà Thân Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Thân Thị T về việc không yêu cầu ông La Thế A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo

yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Thân Thị T phải chịu số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) và đã nộp đủ**.**

3. Về án phí: Bà Thân Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007525 ngày 04-04-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- UBND xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (GCNKH số 19 ngày 02/3/2009);
- Lưu HS, AV.